

BÀN VỀ VIỆC SỬ DỤNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH TRONG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

PGS.TS Hoàng Tùng

Trường Đại học Kinh tế-Đại học Đà Nẵng

Email: hoangtungkt@gmail.com

Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, có rất nhiều đối tượng quan tâm và sử dụng thông tin tài chính của doanh nghiệp (DN). Mỗi đối tượng quan tâm theo góc độ và với mục tiêu khác nhau, tùy theo lợi ích kinh tế của họ đối với DN. Mục đích sử dụng thông tin tài chính tùy thuộc vào chủ thể phân tích. Thông tin tài chính đóng một vai trò quan trọng trong quá trình ra quyết định của các chủ thể này. Chất lượng của thông tin tài chính, phần lớn được phản ánh trong các báo cáo tài chính, có ảnh hưởng đáng kể đến độ tin cậy của kết quả đánh giá và phân tích doanh nghiệp. Chất lượng của thông tin tài chính được quyết định bởi hệ thống kế toán mà DN đang áp dụng trong việc ghi chép giao dịch và lập báo cáo tài chính và tính minh bạch trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Bài viết nhằm thảo luận một số khía cạnh cơ bản của chế độ kế toán Việt Nam cũng như ảnh hưởng của nó đến thông tin tài chính mà nhà phân tích cần "xử lý" trước khi sử dụng trong các quyết định quản lý và đầu tư.

Từ khóa: thông tin tài chính, chất lượng, giao dịch, sự kiện, trình bày

Đặt vấn đề

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 (VAS 21), báo cáo tài chính (BCTC) phải trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp (DN). Tuy nhiên trên thực tế, để đạt được lợi ích của mình, nhà quản lý DN có thể cung cấp thông tin tài chính không trung thực:

- Công bố kết quả cao hơn thực tế nhằm tác động tích cực đến giá cổ phiếu hoặc nhằm đạt được kì vọng về thu nhập của nhà đầu tư, tiếp cận dễ hơn đến các khoản tín dụng...

- Công bố kết quả thấp hơn thực tế nhằm giảm các nghĩa vụ thuế (do công bố lợi nhuận thấp hơn), đỡ bỏ các rào cản thương mại (quota hoặc thuế suất bảo hộ), hưởng các chính sách ưu tiên (miễn giảm thuế, lãi suất vay...), cắt giảm lương, nhân sự.

Ngay cả khi BCTC đã được kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ thì điều này có nghĩa là dựa trên các thủ tục kiểm toán, kiểm toán viên xác nhận rằng, các BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của DN dựa trên chế độ kế toán mà DN đang áp dụng. Tuy nhiên, các chế độ kế toán dù được cập nhật thường xuyên cũng khó có thể theo kịp sự phát triển

của nền kinh tế, vì vậy nhiều nghiệp vụ kinh tế khi được hạch toán theo chế độ kế toán hiện hành có thể không phản ánh đúng bản chất thực của nghiệp vụ. Ngoài ra, khi sử dụng BCTC trong quyết định đầu tư thì nhà phân tích thường có cái nhìn thiên về khía cạnh tài chính, trong khi đó, các quy định về kế toán thường được xây dựng dựa trên những dữ liệu về giao dịch đã xảy ra và được phản ánh theo các nguyên tắc quy ước. Chính vì vậy, người sử dụng thông tin cần phải tìm hiểu kỹ các nghiệp vụ quan trọng và thực hiện một số điều chỉnh các thông tin tài chính để có thể đánh giá sát đúng hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của DN.

1. Vấn đề lựa chọn báo cáo tài chính để phân tích

Ngoài ra, độ tin cậy của BCTC còn phụ thuộc vào hiệu quả của bộ máy kiểm tra, kiểm toán nội bộ và loại hình doanh nghiệp (Các công ty đại chúng thường minh bạch hơn).

2. Vấn đề sử dụng thông tin trên thuyết minh báo cáo tài chính

Khi đọc BCTC, nhà phân tích cần lưu ý rằng, có những thông tin rất quan trọng, chỉ có thể tìm thấy được trong phần thuyết minh BCTC. Thành phần chủ yếu của thuyết minh BCTC bao gồm:

Bảng 1: Đánh giá mức độ tin cậy của các BCTC

<p>BCTC do DN lập</p>	<p>BCTC đã được cấp trên phê duyệt (BCTC của công ty con được công ty mẹ phê duyệt, BCTC của công ty cổ phần được Đại hội cổ đông thông qua): có độ tin cậy cao hơn BCTC chưa được phê duyệt.</p>	<p>Báo cáo quyết toán thuế: cơ quan thuế thường chỉ xem xét lại một số chỉ tiêu liên quan đến các khoản thuế được khấu trừ, thuế phải nộp. Các chỉ tiêu này thường có độ tin cậy cao hơn các chỉ tiêu trên BCTC do DN lập.</p>	<p>BCTC đã được kiểm toán: có độ tin cậy cao hơn BCTC chưa được kiểm toán. Tuy nhiên độ tin cậy còn phụ thuộc vào uy tín của tổ chức kiểm toán, phạm vi kiểm toán, phương pháp kiểm toán và ý kiến kiểm toán (1)</p>
------------------------------	--	---	---

Độ tin cậy tăng dần

- Thông tin về DN: phần này nêu những thông tin chung và khái quát về DN. Nhà phân tích cần lưu ý đến phân đặc điểm hoạt động của DN có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC.

- Chuẩn mực và chế độ kế toán, kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

- Các chính sách kế toán đang áp dụng: phần này nêu các phương pháp kế toán của DN, nó giúp cho nhà phân tích có cái nhìn đầy đủ và rõ ràng hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của DN, vì các số liệu kế toán bị ảnh hưởng rất nhiều bởi một phương pháp kế toán mà DN đang áp dụng. Ví dụ như chính sách ghi nhận doanh thu trong hoạt động xây lắp, chính sách khấu hao tài sản cố định...

- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trong BCTC(2): phần này cung cấp thêm chi tiết, các khía cạnh đặc biệt của một khoản mục mà người sử dụng thông tin cần phải biết để hiểu rõ khoản mục đó.

- Những thông tin khác: phần này thường nằm ở cuối BCTC, nhưng nó không kém phần quan trọng. Các thông tin mà nhà phân tích cần lưu ý bao gồm: các khoản nợ tiềm tàng, các cam kết có giá trị lớn, sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, thông tin về các bên liên quan, thông tin về khả năng hoạt động liên tục, các khoản điều chỉnh số liệu so sánh...

Chế độ kế toán Việt Nam quy định khá nhiều về các thông tin cần công bố. Tuy nhiên, nó vẫn đi chậm hơn so với yêu cầu về minh bạch thông tin. Chẳng hạn như chưa quy định về việc công bố thông tin liên quan đến rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro hối đoái, rủi ro thị trường... Những thông tin này rất quan trọng để đánh giá một DN trong môi trường kinh doanh đang có nhiều thay đổi như hiện nay.

3. Vấn đề đo lường và ghi chép kế toán

- Hạch toán khấu hao

Khấu hao là một thuật ngữ sử dụng trong kế toán để mô tả phương pháp phân bổ chi phí của tài sản cố định trong suốt thời gian sử dụng của nó. Việc khấu hao tài sản cố định có tác động trực tiếp lên báo cáo tài chính và thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp. Mức khấu hao và mục đích kế toán (công bố thông tin) và mục đích giảm thuế có thể khác nhau. Khấu hao không phải là một khoản chi thực tế bằng tiền nên nó không ảnh hưởng nhiều đến dòng tiền của doanh nghiệp. Có nhiều phương pháp tính khấu hao nhưng chủ yếu là các phương pháp sau:

+ Khấu hao đường thẳng: mức trích khấu hao bằng nhau qua các năm;

+ Khấu hao nhanh: mức trích khấu hao những năm đầu cao, giảm dần về sau;

+ Khấu hao theo công suất: khấu hao dựa trên công suất, sản phẩm sản xuất ra.

Việc lựa chọn phương pháp khấu hao sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận công bố trên báo cáo tài chính. Vì vậy khi sử dụng thông tin tài chính cần nhận diện sự thay đổi này (được giải trình trên thuyết minh tài chính) để đánh giá chính xác hơn về biến động lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong nhiều trường hợp phân tích có thể sử dụng chỉ tiêu lợi nhuận trước khấu hao để loại trừ ảnh hưởng của sự thay đổi phương pháp khấu hao đến chỉ tiêu tài chính.

- Hạch toán chi phí lãi vay

DN có thể vay nợ từ các định chế tài chính theo lãi suất thị trường hoặc phát hành trái phiếu chuyên đổi với lãi suất được thỏa thuận thấp hơn lãi suất thị trường. Vấn đề lựa chọn phương thức nào cũng sẽ ảnh hưởng chi phí lãi vay và từ đó đến chi phí và lợi nhuận công bố của doanh nghiệp. Có thể xem ví dụ sau đây:

Hình thức vay nợ	Số tiền	Lãi suất	Chi phí lãi vay
Vay nợ	100 tỷ	14%/năm	14 tỷ
Phát hành trái phiếu chuyển đổi ⁽³⁾	100 tỷ	8%/năm	8 tỷ

Do chế độ kế toán Việt Nam chưa yêu cầu DN phân ánh chi phí lãi vay theo lãi suất thị trường (nghĩa là chiết khấu các dòng tiền của trái phiếu chuyển đổi về hiện giá theo lãi suất thị trường và hạch toán chi phí lãi vay dựa trên lãi suất thị trường, số chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi và hiện giá dòng tiền của trái phiếu này được hạch toán vào vốn chủ sở hữu) nên các DN có khuynh hướng hạch toán chi phí lãi vay theo lãi suất danh nghĩa. Điều này làm cho chi phí lãi vay bị phân ánh thấp hơn chi phí lãi vay thực tế. Người sử dụng thông tin cần phải xem xét điều chỉnh để đưa chi phí lãi vay về giá trị thực của nó.

Mặt khác, chế độ kế toán Việt Nam cho phép DN lựa chọn một trong hai phương pháp hạch toán chi phí lãi vay là hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ hoặc hạch toán vào giá trị tài sản (vốn hóa chi phí lãi vay⁽⁴⁾). Khi định giá doanh nghiệp dựa trên dòng tiền tự do, cần điều chỉnh các khoản chi phí đi vay mà DN đã hạch toán vào giá trị tài sản ra khỏi dòng tiền tự do và loại bỏ khoản này trong chi phí khấu hao, vì chi phí đi vay không phải là một bộ phận của dòng tiền tự do.

- Hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chế độ kế toán Việt Nam quy định⁽⁵⁾

- Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của DN mới thành lập, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phân ánh lũy kế, riêng biệt trên bảng cân đối kế toán.

- Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động kinh doanh trong thời gian tối đa là 5 năm.

Dưới góc độ phân tích tài chính, các khoản chênh lệch tỷ giá này cần được điều chỉnh như sau:

- Phân tích dòng tiền: chênh lệch tỷ giá hối đoái cần được điều chỉnh vào dòng tiền của năm tương ứng với dòng tiền thực thu/chi;

- Phân tích lợi nhuận: chênh lệch tỷ giá hối đoái cần được điều chỉnh vào thu nhập (chi phí) tài chính của năm phát sinh.

- Hạch toán chi phí nhân công

Chi phí nhân công thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vấn đề hạch toán chi phí nhân công sẽ ảnh hưởng đến thông tin về kết quả hoạt động. Để thu hút nhân công, các DN có xu hướng ngoài tiền lương còn cho nhân công hưởng các quyền lợi khác như: thường bằng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu với giá thấp hơn giá thị trường, các khoản thưởng bằng tiền chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Chế độ kế toán Việt Nam không quy định DN phải hạch toán các khoản này vào chi phí hoạt động làm cho chi phí nhân viên bị phân ánh thấp hơn giá trị thực tế phát sinh. Người sử dụng thông tin cần thực hiện điều chỉnh để phân ánh các khoản thù lao này vào chi phí hoạt động và tính toán lại ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

- Hạch toán khoản đầu tư chứng khoán và bất động sản đầu tư

Chế độ kế toán Việt Nam quy định phương pháp đánh giá và hạch toán các khoản đầu tư chứng khoán theo số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Vì vậy, khi sử dụng thông tin tài chính của các DN trong trường hợp này, người sử dụng thông tin cần thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán theo giá trị hợp lý và điều chỉnh chỉ tiêu lợi nhuận để phân ánh ảnh hưởng của sự thay đổi giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà hoặc một phần của cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. Theo chế độ kế toán Việt Nam, bất động sản đầu tư được phân ánh theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được trình bày như một thông tin bổ sung trong thuyết minh BCTC. Khi phân tích thông tin tài chính cần điều chỉnh các bất động sản đầu tư từ giá gốc về giá trị hợp lý.

- Hạch toán thiệt hại do giảm giá trị tài sản và tài sản thiếu chờ xử lý

Trong điều kiện tiến bộ khoa học kỹ thuật, thay đổi nhanh chóng về công nghệ, máy móc thiết bị và tài sản dài hạn của DN có thể dễ dàng bị lạc hậu và suy giảm giá trị. Suy giảm giá trị xảy ra khi giá trị của các lợi ích kinh tế có thể thu hồi được trong tương lai từ việc sử dụng hay bán tài sản này thấp hơn so với giá trị sổ sách. Chế độ kế toán Việt Nam chưa quy định về việc đánh giá và hạch toán khoản thiệt hại do suy giảm giá trị tài sản. Khi tài sản bị

suy giảm giá trị nhưng vẫn được báo cáo theo giá lịch sử thì thông tin tài chính sẽ bị phản ánh sai lệch. Nhà đầu tư cần thực hiện điều chỉnh để đưa tài sản này về giá trị có thể thu hồi và ghi nhận khoản suy giảm giá trị vào chi phí.

Chế độ kế toán Việt Nam quy định, khi DN kiểm kê và phát hiện tài sản thiếu nhưng chưa rõ nguyên nhân thì phải hạch toán giá trị các tài sản này vào tài khoản *Tài sản thiếu chờ xử lý* và trình báo trong mục tài sản trên bảng cân đối kế toán. Dưới góc độ phân tích tài chính, người sử dụng thông tin cần đánh giá xem khả năng thu hồi của các tài sản thiếu chờ xử lý này có chắc chắn hay không (sau khi đã xác định số bồi thường trách nhiệm). Nếu không chắc chắn thu hồi được thì cần phải điều chỉnh vào chi phí, chứ không “treo” lại trên bảng cân đối kế toán.

- Hạch toán các khoản thu nhập (chi phí) bất thường, lợi nhuận của lĩnh vực ngừng hoạt động kinh doanh

Khi đánh giá dựa vào dòng lợi nhuận dài hạn của DN, nhà đầu tư cần tách các khoản bất thường và các khoản không thuộc hoạt động kinh doanh chính và bền vững ra khỏi chỉ tiêu lợi nhuận. Chẳng hạn, cần phải tách ra khỏi chỉ tiêu lợi nhuận các khoản lãi (lỗ) do bán tài sản cố định, lãi (lỗ) kinh doanh chứng khoán của các DN không chuyên, lãi (lỗ) của mảng kinh doanh bị bán hoặc tách ra khỏi DN.

Nhà đầu tư có thể tìm thấy chi tiết về các khoản lãi (lỗ) bất thường và thu nhập (chi phí) hoạt động tài chính trong thuyết minh BCTC. Tuy nhiên, chế độ kế toán Việt Nam chưa quy định DN phải trình bày và công bố thông tin về lãi (lỗ) của mảng hoạt động kinh doanh bị bán hoặc tách ra khỏi DN. Do đó, nhà đầu tư cần thu thập thêm các thông tin này để thực hiện các điều chỉnh thích hợp.

- Hạch toán lợi thế thương mại phát sinh trong hợp nhất kinh doanh

Chế độ kế toán Việt Nam quy định, khoản lợi thế thương mại phát sinh trong hợp nhất kinh doanh phải được phân bổ trong khoảng thời gian không quá 10 năm và khoản phân bổ này được hạch toán vào chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Quy định này khác với quy định của chuẩn mực kế toán quốc tế hiện hành, theo đó lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh không được phân bổ, nhưng DN phải đánh giá khả năng suy giảm giá trị và nếu có thì khoản suy giảm giá trị phải được hạch toán vào chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Dưới góc độ tài chính thì khoản chi phí phát sinh từ phân bổ lợi thế thương mại hay suy giảm giá trị lợi thế thương mại cần phải được loại trừ ra khỏi kết quả kinh doanh khi sử dụng

số liệu kế toán để dự đoán triển vọng trong tương lai của DN, vì khoản này thuộc về hoạt động đầu tư, chứ không thuộc về các dòng thu nhập/chi phí từ hoạt động kinh doanh chính của DN.

- Hạch toán giao dịch với các bên liên quan

Một DN hoặc chủ sở hữu chính của DN đó có thể thiết lập các “vệ tinh” và sử dụng “vệ tinh” này cho nhiều mục đích khác nhau, trong đó có mục đích giúp DN “điều hòa” hoặc “làm đẹp” các chỉ tiêu của BCTC. Chế độ kế toán Việt Nam quy định về việc hợp nhất BCTC và loại trừ các khoản doanh thu cùng với lợi nhuận chưa thực hiện của giao dịch giữa công ty mẹ với công ty con, chứ không quy định loại trừ lợi nhuận chưa thực hiện của giao dịch giữa công ty mẹ với công ty liên kết. Còn đối với các giao dịch giữa DN với các đơn vị mà trong đó công ty mẹ không nắm quyền sở hữu cổ phiếu thì chế độ kế toán Việt Nam chỉ yêu cầu công bố thông tin về các giao dịch này trong thuyết minh BCTC, chứ không yêu cầu xem xét bản chất thực tế của mối quan hệ để hạch toán và loại trừ cho phù hợp. Người sử dụng thông tin cần đọc kỹ thuyết minh BCTC về nghiệp vụ với các bên liên quan để xem xét bản chất thực của các nghiệp vụ và tính thích hợp của các điều khoản giao dịch, từ đó thực hiện các điều chỉnh thích hợp để đưa các chỉ tiêu tài chính trở về giá trị và bản chất thực của nó.

- Hạch toán tài sản và chi phí trong lĩnh vực nông nghiệp

Theo chế độ kế toán Việt Nam⁽⁶⁾, các tài sản sinh học như vườn cây lâu năm, đàn gia súc, gia cầm được phản ánh theo giá trị của chi phí chăm sóc, nuôi trồng phát sinh cho đến ngày trưởng thành và khai thác trừ khoản khấu hao lũy kế. Còn đối với sản phẩm dở dang thì phản ánh theo giá trị của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu một chu kỳ của mùa vụ cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Phương pháp kế toán này làm cho số liệu về giá trị của các tài sản sinh học và sản phẩm dở dang được báo cáo phản ánh không đúng giá trị hợp lý của chúng. Khi sử dụng thông tin tài chính liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, có thể tham khảo phương pháp kế toán theo quy định của Chuẩn mực kế toán quốc tế số 41 (Kế toán nông nghiệp) để đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp. Cụ thể là tài sản sinh học và sản phẩm dở dang được đánh giá theo giá trị hợp lý trừ đi chi phí ước tính để tạo ra tài sản/sản phẩm ở trạng thái sẵn sàng để bán. Khoản lãi (lỗ) từ việc tăng (giảm) giá trị tài sản/sản phẩm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Hạch toán các công cụ phái sinh

Công cụ phái sinh là những sản phẩm tài chính được thiết kế và tạo nên từ một loại công cụ cổ điển trên thị trường, như hợp đồng mua bán kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi lãi suất, quyền chọn mua, quyền chọn bán... Công cụ phái sinh có thể được sử dụng như một phương pháp dự phòng rủi ro hoặc có thể sử dụng như một nghiệp vụ đầu cơ. Dù được sử dụng cho mục đích nào thì công cụ phái sinh đều mang một giá trị nhất định khi các điều kiện thị trường thay đổi sau ngày công cụ này được xác lập và giao dịch lần đầu. Chế độ kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về phương pháp kế toán và công bố thông tin đối với công cụ phái sinh (7). Vì vậy, nhà đầu tư cần thu thập thêm thông tin về các nghiệp vụ này để đánh giá ảnh hưởng của nó đến tính hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của DN.

4. Vấn đề thao túng thông tin trên báo cáo tài chính

Thông tin trên BCTC sẽ tác động lớn đến quá trình ra quyết định của người sử dụng thông tin, do những mục tiêu về lợi ích nên việc công bố thông tin của DN sẽ có thể bị làm cho sai lệch về bản chất. Đó là hiện tượng thao túng thông tin mà người sử dụng cần lưu ý trong quá trình phân tích và đánh giá DN.

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	ABC	XYZ	Hợp nhất
Doanh thu	1.200.000	10.000	1.010.000
Giá vốn	840.000	7.000	707.000
Lợi nhuận gộp	360.000	3.000	303.000

Các hiện tượng thao túng thông tin có thể nhận dạng ở một số vấn đề sau:

- Cung cấp thêm tin dụng cho khách hàng

Khi mà việc tiếp cận nguồn vốn ngắn hạn đang khó khăn như hiện nay, khách hàng sẽ dễ dàng tiếp nhận các ưu đãi về tín dụng từ phía DN và DN sẽ có cơ hội tăng doanh thu bán hàng. Một trong những cách để thực hiện điều này là nới lỏng chính sách bán hàng trả chậm (credit policy). Việc tăng thời hạn và định mức tín dụng bán hàng sẽ thúc đẩy việc giải phóng hàng hóa tồn kho. Thế nhưng, hệ quả là dư nợ phải thu tăng lên và rủi ro các khoản nợ xấu/nợ khó đòi cũng tăng theo. Điều này cũng sẽ buộc các DN phải trích lập các khoản dự phòng vào cuối năm theo chuẩn mực kế toán Việt Nam. Bên cạnh đó, với thủ thuật này, dù doanh thu có tăng lên nhưng dòng tiền của DN lại không tăng.

- Ước lượng khối lượng công việc hoàn thành để ghi nhận doanh thu

Các doanh nghiệp xây lắp có thể ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành(8). Vì vậy, một trong những thủ thuật phổ biến nhất trong các DN

xây lắp là ước lượng phần trăm hoàn thành để ghi nhận doanh thu trong kì. Ước lượng phần trăm hoàn thành công việc phụ thuộc nhiều vào nhận định, kinh nghiệm và thực tế tiến độ hoàn thành công việc. Dù việc ước lượng phải dựa trên cơ sở hợp lý, nhưng doanh nghiệp vẫn có đủ lý lẽ để chứng minh việc ghi nhận doanh thu của mình là đáng tin cậy để giải trình với kiểm toán.

- Không hợp nhất công ty con khi kết quả bất lợi

Gần đây, nhiều DN cấu trúc lại hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty mẹ-con để trở thành các tập đoàn kinh tế. Khi hợp nhất BCTC, các giao dịch nội bộ này phải được loại trừ khỏi doanh thu hợp nhất và giá vốn hàng bán phải được điều chỉnh tương ứng. Thế nhưng, vì nhiều lý do khác nhau tập đoàn lại không tiến hành hợp nhất kết quả kinh doanh của công ty con vào công ty mẹ và như thế doanh thu của tập đoàn có thể bị "điều chỉnh". Ví dụ: Tập đoàn ABC đang sở hữu 90% công ty XYZ kinh doanh cùng ngành nghề. Ngày 25/12/N, ABC bán cho XYZ một lô hàng trị giá trên hợp đồng là 200 tỷ đồng, giá vốn 140 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/N, lô hàng đó vẫn còn nằm trong kho của XYZ. Báo cáo kết quả kinh doanh của ABC và XYZ như sau:

Vì nhiều lý do khác nhau, báo cáo kết quả kinh doanh của XYZ không được hợp nhất vào ABC. Rõ ràng là nếu làm điều này thì doanh thu hợp nhất của Tập đoàn ABC sẽ là 1.010 tỷ đồng (thay vì 1.200 tỷ đồng) và lợi nhuận có thể sẽ thấp hơn mức công bố.

- Làm giảm chi phí bằng cách "vốn hóa"

Để cải thiện chỉ tiêu lợi nhuận công bố, doanh nghiệp còn có thể sử dụng những thủ thuật làm giảm chi phí kinh doanh trong kỳ bằng cách "vốn hóa". Với thủ thuật này, chi phí kinh doanh được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán thay vì được sử dụng để xác định lợi nhuận kinh doanh trong kì một cách hợp lý. Ví dụ: Chi phí lãi vay trong các dự án đầu tư xây dựng cơ bản được đưa vào vận hành trong kỳ. Thông thường các chi phí lãi vay ngân hàng của giai đoạn trước khi công trình đi vào hoạt động sẽ được vốn hóa vào giá trị công trình. Chi phí lãi vay sau thời điểm này phải được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ. Để công trình đi vào hoạt động chính thức, DN phải trải qua nhiều công đoạn kiểm nghiệm, chạy thử và bàn giao. Bằng nhiều lập luận khác nhau, DN có thể vốn hóa một phần chi phí lãi

vay vào giá trị công trình, thay vì ghi nhận chi phí này vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo đúng bản chất của nó. Cách làm này sẽ giảm được chi phí hoạt động và tăng lợi nhuận công bố.

-Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Một vài DN, ngoài hoạt động kinh doanh chính còn mở rộng sang lĩnh vực đầu tư tài chính thông qua việc mua cổ phiếu. Trường hợp doanh nghiệp đầu tư vào các cổ phiếu đang niêm yết trên sàn thì các khoản đầu tư này phải được đánh giá lại theo giá thị trường vào thời điểm cuối năm. Thế nhưng, đối với những cổ phiếu chưa niêm yết và/hoặc thanh khoản thấp thì việc đánh giá lại các khoản đầu tư này xem ra không dễ dàng. Để có hiệu ứng tốt về lợi nhuận công bố, các DN có thể chọn cách an toàn nhất là tránh phải ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư tài chính hoặc chỉ trích lập dự phòng ít hơn mức cần thiết. Điều này sẽ làm chi phí kế toán thấp hơn do không phải “gánh chịu” các khoản dự phòng.

Kết luận

Tóm lại, các thủ thuật kế toán được dùng để “làm đẹp” BCTC thường được các DN sử dụng để thỏa

mãn kỳ vọng của người sử dụng thông tin trong điều kiện kinh doanh không thuận lợi. Vì thế, người sử dụng thông tin cần phải thận trọng trong đánh giá hoạt động kinh doanh của DN, tìm hiểu thêm thông tin và so sánh các chỉ số tài chính của các DN hoạt động trong ngành để có cái nhìn toàn diện và hợp lý hơn.

Bài viết này chỉ bàn thảo một số vấn đề trên khía cạnh kế toán liên quan đến chất lượng thông tin tài chính trong BCTC được lập theo chế độ kế toán Việt Nam. Bài viết không đặt mục tiêu nêu lên tất cả các tình huống trong thực tiễn. Để có thể phân tích chính xác thông tin tài chính, người sử dụng thông tin cần thực hiện các điều chỉnh hợp lý trong mỗi tình huống cụ thể trên cơ sở hiểu rõ đặc điểm ngành nghề kinh doanh và nắm vững các nguyên tắc kế toán cũng như các khía cạnh tài chính của mỗi nghiệp vụ. Các thông tin tài chính sau khi “xử lý” lại nên được xem xét trong mối tương quan với các thông tin khác về đơn vị được quan tâm, bao gồm cả các thông tin tài chính tương lai, mang tính chất dự báo và các thông tin phi tài chính khác. □

Chú thích:

1. Khi phân tích cần đọc kỹ phần ý kiến kiểm toán để biết được đánh giá của kiểm toán viên về BCTC, chú ý các khoản mục bị kiểm toán loại trừ hoặc khoản mục được kiểm toán nhấn mạnh và xác định ảnh hưởng của các khoản mục này đến độ tin cậy của BCTC.
2. Thông tin bổ sung và thông tin khác có thể khác nhau giữa các doanh nghiệp về mức độ và nội dung công bố.
3. Trao phiếu chuyển đổi cho phép chuyển đổi thành cổ phiếu, do vậy thường có lãi suất thấp hơn lãi suất thị trường.
4. Vốn hóa chỉ phí lãi vay được áp dụng theo VAS16 và qui định tại thông tư 105/2003/TT-BTC.
5. Hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo VAS 10 và qui định tại thông tư 105/2003/TT-BTC.
6. Không có chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) cho loại hình này, việc ghi nhận tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp thực tế được áp dụng theo VAS 2 (Hàng tồn kho).
7. Riêng chế độ kế toán áp dụng cho ngân hàng thì chỉ yêu cầu trình bày công cụ phái sinh như một tài khoản ngoại bảng, chứ chưa quy định phải đánh giá theo giá trị hợp lý để hạch toán vào bảng cân đối kế toán.
8. Theo VAS 15 (Hợp đồng xây dựng).

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tài Chính, *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, 2006, NXB Tài chính.
2. Vũ Hữu Đức, *Hệ thống kế toán và kiểm toán Việt Nam trên con đường hội nhập với các thông lệ quốc tế*, 2001, Tham luận, Đại Học Kinh tế TP.HCM.
3. PGS.TS.Đoàn Xuân Tiến, *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: Những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện*, 2007, Tạp chí kiểm toán.
4. Stephen H. Penman, *Financial Statement Analysis and Security Valuation*, 2001, McGraw-Hill International Edition.
5. Frankel, R., S.P. Kothari, and J. Weber, *Determinants of the informativeness of analyst research*, 2006, Journal of Accounting and Economics 41, 29-54.
6. Palepu, K.G., and P.M. Healy, *Business analysis & valuation using financial statements*, 2007, 4th edition, Thomson South-Western
7. Revsine, L., D.W. Collins, and W.B. Johnson, *Financial reporting and analysis*, 2006, 3rd edition. Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ.